

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 12 tháng 09, 2025

Xem thêm 

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	C47	11/09/2025	12.4	1.293.800	295.183	4.38
2	TVC	11/09/2025	11.3	2.266.900	792.167	2.86
3	TCI	11/09/2025	11.8	2.833.500	1.039.403	2.73
4	S99	11/09/2025	11.1	1.108.000	421.417	2.63
5	AAS	11/09/2025	13.4	5.770.400	2.424.583	2.38
6	HVN	11/09/2025	32.9	2.859.400	1.452.043	1.97
7	NKG	11/09/2025	19.15	38.697.600	21.825.906	1.77
8	MBS	11/09/2025	36.1	16.781.800	10.073.537	1.67
9	MZG	11/09/2025	17.4	2.206.500	1.324.747	1.67
10	MWG	11/09/2025	78.8	18.120.100	11.232.510	1.61
11	CRC	11/09/2025	10.1	2.018.800	1.406.673	1.44
12	SSI	11/09/2025	42.45	85.920.600	61.005.272	1.41
13	DSE	11/09/2025	30.25	2.565.600	1.856.790	1.38
14	VHC	11/09/2025	59.7	2.374.000	1.785.597	1.33
15	PVD	11/09/2025	22.85	11.681.300	9.632.707	1.21
16	CRE	11/09/2025	10.4	1.756.800	1.536.523	1.14
17	VDS	11/09/2025	23.6	7.232.300	6.406.654	1.13
18	DBC	11/09/2025	29.4	11.296.100	10.370.287	1.09
19	VC3	11/09/2025	28.2	1.022.000	935.417	1.09
20	VGS	11/09/2025	31	2.227.000	2.078.553	1.7
21	KBC	11/09/2025	38.3	12.011.200	11.924.200	1.1
22	HUT	11/09/2025	18.3	5.375.700	5.354.060	1



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	11/09/2025	7.98	2.451.890	44.67	7.83	1.93	0.11	0.02
2	ASM	11/09/2025	8.09	1.169.130	44.28	7.88	2.66	0.11	-0.04
3	BID	11/09/2025	40.65	8.786.690	47.83	38.39	5.89	0.61	-0.2
4	BMI	11/09/2025	21.55	552.100	48.04	20.77	3.75	0.1	0.1
5	DL1	11/09/2025	6.7	867.110	44.43	6.62	1.26	-0.26	0.29
6	DVM	11/09/2025	7.9	635.990	55.36	7.56	4.5	0.15	0.09
7	GIL	11/09/2025	19.45	833.810	48.26	18.33	6.11	0.2	0.16
8	HNG	11/09/2025	6.5	3.730.060	56.29	6.43	1.8	0.02	0.16
9	IDC	11/09/2025	42.5	1.816.830	48.43	41.8	1.67	0.91	-1.04
10	NHA	11/09/2025	22.95	981.350	45.24	22.71	1.05	0.31	-0.09
11	NTL	11/09/2025	18.9	1.714.340	41.68	17.77	6.37	0.06	-0.27
12	PVD	11/09/2025	22.85	7.703.100	61.04	21.61	5.72	0.44	-0.61
13	PVS	11/09/2025	34.2	4.555.340	47.1	32.35	5.72	0.33	-0.6
14	SSB	11/09/2025	20.1	2.897.160	45.98	18.85	6.61	0.15	0.33
15	TDC	11/09/2025	12.3	886.180	44.09	11.67	5.42	0.09	0.32
16	VNM	11/09/2025	61.2	4.562.260	54.05	58.9	3.91	0.44	0.16
17	VPI	11/09/2025	58.9	2.592.330	62.97	55.68	5.78	0.87	-0.53
18	YEG	11/09/2025	14.25	2.755.170	50.83	13.65	4.37	0.13	0.44

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ANV	28.3	29.45	4.618.470
2	C47	12.4	12.4	331180
3	C69	12.3	12.8	788.490
4	DHC	35.1	35.5	501.310
5	L40	60.7	60.7	402060
6	MWG	78.8	79.4	11.025.250
7	MZG	17.4	18.1	1.607.460
8	NKG	19.15	19.15	24.840.020
9	S99	11.1	11.1	508.060
10	SSI	42.45	44.15	55.924.620
11	TAL	42.5	44	801.690
12	TL4	10.5	11.6	294.840
13	TVC	11.3	11.7	1.235.640
14	VHM	105.9	106.9	3.749.450
15	VIC	136	139.9	2.328.320

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VPI	58.9	58.8	2.592.330

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CSV	32.55	32.05	729.480
2	HAX	12.9	12.5	1.425.310
3	PLX	35.35	34.85	1.832.270
4	SGR	27.45	26.95	382.930
5	VGI	70.6	64.14	388.450
6	VLC	15	14.8	114.470

Phá đáy 1 năm



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HNG	6.5	6.43	3.730.060
2	NHA	22.95	22.71	981.350
3	YEG	14.25	13.65	2755170

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.98	08.05	2.451.890
2	BVS	38.5	38.58	728.580
3	GIL	19.45	19.57	833810
4	KVC	1.8	1.88	751.310
5	PVC	11.9	12.02	1.649.510
6	SCR	8.62	8.77	5.058.690
7	VTD	8.7	9.06	546.670

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CII	23.1	23.05	30.620.220
2	CTI	25.9	25.53	1.228.290
3	DGW	43.75	43.14	2405110
4	DIG	24	23.88	27.398.110
5	DSE	30.25	29.38	1.948.530
7	HNG	6.5	6.4	3730060
8	KBC	38.3	38.28	12029130
9	LPB	44	43.62	3101080
10	STB	55.4	54.84	10267380
11	TLH	6	5.96	703730
12	VDS	23.6	23.2	5962110
13	VFS	20	19.83	3169690
14	VNM	61.2	60.51	4562260

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	GIL	19.45	19.72	833.810
2	HUT	18.3	18.8	4.225.250
3	IVS	10.9	10.91	1168600
4	PVC	11.9	12.03	1.649.510
5	SHS	26	26.4	35.056.940
7	TTH	2.8	2.88	631990
8	VC3	28.2	28.32	940540
9	VHG	2.4	2.41	932750
10	VIX	34.8	35.39	43504768

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.98	08.05	2.451.890
2	BVS	38.5	38.58	728.580
3	GIL	19.45	19.57	833810
4	KVC	1.8	1.88	751.310
5	PVC	11.9	12.02	1.649.510
6	SCR	8.62	8.77	5.058.690
7	VTD	8.7	9.06	546.670



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	11/09/2025	47.3	45.97	49.1	6.8	138.520
2	QTP	11/09/2025	13.3	13	13.9	6.9	396.880
3	VEA	11/09/2025	39.3	37.9	40.9	7.9	851.520
4	SAB	11/09/2025	46.4	45.45	50	10	836.400
5	PPC	11/09/2025	10.85	10.7	11.8	10.3	533.320
6	TNH	11/09/2025	15.7	15.6	17.2	10.3	339.780
7	SJD	11/09/2025	15.8	14.5	16	10.3	292.420
8	CLL	11/09/2025	35.5	33	36.6	10.9	110.500
9	PVT	11/09/2025	17.85	17.65	19.06	11	3.233.900
10	SBG	11/09/2025	12.65	11.75	13.5	11.1	134.160
11	PVP	11/09/2025	15.2	14.75	16.4	11.2	150.560
12	REE	11/09/2025	66.4	63.9	71.2	11.4	1.308.000
13	BWE	11/09/2025	46.75	46.5	51.9	11.6	129.500
14	SVT	11/09/2025	11.5	10.95	12.24	11.8	125.660
15	IMP	11/09/2025	54.4	50.3	56.5	12.3	113.320
16	SCS	11/09/2025	59.8	58.8	66.3	12.8	256.420
17	KDC	11/09/2025	54.1	51.9	59	13.7	409.280
18	VIP	11/09/2025	13.4	12.4	14.1	13.7	189.940
19	ABI	11/09/2025	21.4	20.34	23.18	14	226.100
20	VLC	11/09/2025	15	14.8	16.9	14.2	159.760



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009